



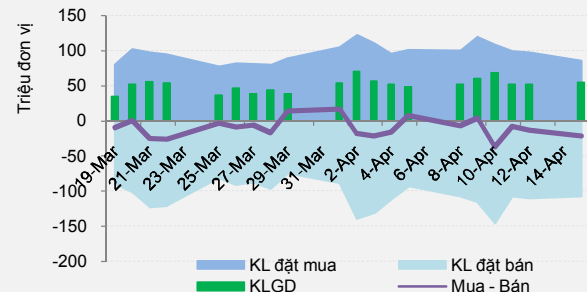
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 15/4/2013

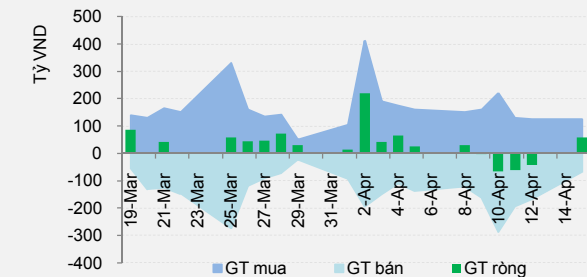
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	480.0	58.9
% Thay đổi	↓ -2.9%	↓ -2.4%
KLGD (CP)	54,830,087	46,921,522
GTGD (tỷ đồng)	912.35	370.18
Tổng cung (CP)	106,632,690	72,373,400
Tổng cầu (CP)	85,578,420	59,631,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,815,020	1,198,600
KL mua (CP)	5,061,640	1,720,200
GTmua (tỷ đồng)	124.87	51.76
GT bán (tỷ đồng)	66.36	46.88
GT ròng (tỷ đồng)	58.50	4.88

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -3.13%	7.4	1.5	2.8%
Công nghiệp	↓ -3.00%	17.7	0.9	16.3%
Dầu khí	↓ -1.29%	5.7	1.0	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.38%	8.0	1.3	2.2%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.23%	7.4	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -4.02%	12.7	5.2	15.2%
Ngân hàng	↓ -3.05%	5.4	1.4	14.8%
Nguyên vật liệu	↓ -1.29%	8.2	2.1	14.8%
Tài chính	↓ -3.22%	23.5	2.5	23.4%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.52%	10.1	3.4	7.7%
VN - Index	↓ -2.88%	13.4	3.1	71.5%
HNX - Index	↓ -2.40%	14.2	1.4	28.5%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm và break qua mức kháng cự 498-500 điểm nhưng sau đó kiểm định lại không thành công mức này và hình thành những phiên giảm điểm liên tiếp xuyên qua mức hỗ trợ của trendline ngắn hạn cũng như các mức hỗ trợ của MA20 và MA50. Bên sàn HNX thì chỉ số HNX-Index cũng giảm điểm rất mạnh trong phiên hôm nay. Với phiên giảm điểm này thì chỉ số HNX-Index đã giảm qua mức hỗ trợ của trendline ngắn hạn, giảm qua mức hỗ trợ của MA200 và giảm qua dải dưới của dải Bollinger band. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là rất rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao.

- VN-Index giảm điểm rất mạnh về mức 480.02 điểm, giảm 14.25 điểm tương ứng với mức 2.88% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 51.24 triệu đơn vị, tăng 1.14% so với phiên trước.

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 58.87 điểm, giảm 1.45 điểm tương ứng với mức 2.40% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 38.86 triệu đơn vị, tăng 9.26% so với phiên trước.

- Đa số cổ phiếu Bluechip có vốn hóa lớn đều giảm điểm với mức giảm mạnh trong phiên hôm nay. Một số cổ phiếu có vốn hóa lớn giảm điểm như BVH giảm 4.31%, MSN giảm 5.79%, VNM giảm 4%, VCB giảm 4.88%, CTG giảm 3.13%....

- Giá vàng Thế giới tiếp tục giảm mạnh trước những thông tin kinh tế kém khả quan của Trung Quốc và tình hình khó khăn của khu vực EU. Trong khi đó tốc độ giảm của giá vàng trong nước khá chậm do Việt Nam không liên thông mua bán vàng với bên ngoài. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước - thế giới đã tăng lên 5.3 triệu đồng/lượng, sau khi xuống khoảng 3 triệu đồng/lượng vào cuối tuần trước. Vào ngày mai, NHNN tiếp tục bán đấu thầu 26,000 lượng vàng, với giá tham chiếu để tính giá trị đặt cọc là 41.3 triệu đồng/lượng, thấp hơn giá thị trường hiện nay (41.6 triệu đồng/lượng).

- Tỷ giá VND/USD do Vietcombank niêm yết hôm nay tăng 45/65 VND ở hai chiều mua/bán so với giá niêm yết cuối tuần trước, sau diễn biến giảm 80/80 VND trong tuần giao dịch trước đó. Tỷ giá mua/bán USD tại Vietcombank hiện là 20,880/20,940 VND, vẫn thấp hơn 10 VND so với giá bán USD tại Sở giao dịch NHNN. Mức tăng trên là khá mạnh trong một phiên, tuy nhiên, nhìn chung tỷ giá VND/USD vẫn ở mức ổn định trong thời gian gần đây. Hiện chưa có tín hiệu cho thấy diễn biến gia tăng của sức ép tỷ giá, khi 1/ lạm phát vẫn ở mức thấp do sức cầu yếu; 2/ việc sử dụng vàng SJC làm giảm tình trạng nhập lậu vàng, dù chênh lệch giá vàng trong nước thế giới rất lớn; và 3/ nhu cầu nhập khẩu có cải thiện, tuy nhiên trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng vẫn trong tình trạng tốt.

- Giá, cước phí vận tải đang được điều chỉnh tăng, bất chấp động thái giảm 500 đồng/lít xăng vào ngày 9/4. Theo Công ty quản lý bến xe Hà Nội, các doanh nghiệp đã gửi yêu cầu tăng giá dịch vụ vận tải thêm 7-27%. Mức tăng phí dịch vụ vận tải trong bối cảnh giá xăng mới được điều chỉnh giảm do nguyên nhân Tháng 4 là thời gian có nhiều kỳ nghỉ lễ dài ngày, nhu cầu đi lại tăng cao. Dự kiến chỉ số giá hoạt động vận tải tháng 5 sẽ có mức tăng đột biến. Tuy nhiên, dự kiến chỉ số giá tiêu dùng vẫn sẽ ở mức thấp, do sức mua toàn nền kinh tế chậm cải thiện.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm rất mạnh về mức 480.02 điểm, giảm 14.25 điểm điểm tương ứng với mức 2.88% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số VN-Index điều chỉnh về mức hỗ trợ 460 điểm thì đã quay đầu tăng điểm trở lại. Tuy nhiên động lực tăng điểm của chỉ số VN-Index từ mức hỗ trợ này chủ yếu bắt nguồn từ sự tăng điểm của một số mã cổ phiếu có vốn hóa lớn.

- Chỉ số VN-Index tăng điểm qua mức MA20 và sau đó tiếp tục tăng điểm qua mức 498-500 điểm tạo mức cao nhất trong hơn hai năm gần đây. Nhưng sau đó chỉ số VN-Index đã không kiểm định thành công mức này và giảm điểm trở lại về dưới mức 498-500.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm và break qua mức kháng cự 498-500 điểm nhưng sau đó kiểm định lại không thành công mức này và hình thành những phiên giảm điểm liên tiếp xuyên qua mức hỗ trợ của trendline ngắn hạn cũng như các mức hỗ trợ của MA20 và MA50. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là rất rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số VN-Index là khu vực 450-460 điểm

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm điểm rất mạnh về mức 58.87 điểm, giảm 1.45 điểm tương ứng với mức 2.40% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index giảm điểm mạnh từ giữa tháng 2. Khi chỉ số HNX-Index tiếp cận với khu vực 59 điểm đã phục hồi nhẹ trở lại và hình thành khu vực sideway với biên độ hẹp từ đầu tháng Ba đến giữa tháng Bốn.

- MA200 hướng xuống cho thấy xu hướng dài hạn của HNX-Index vẫn đang giảm điểm

- MA20 cất xuống MA50 trong giữa tháng 3 là tín hiệu cho thấy xu hướng trung hạn của chỉ số HNX-Index chuyển sang giảm điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm rất mạnh trong phiên hôm nay. Với phiên giảm điểm này thì chỉ số HNX-Index đã giảm qua mức hỗ trợ của trendline ngắn hạn, giảm qua mức hỗ trợ của MA200 và giảm qua dải dưới của dải Bollinger band. Với những tín hiệu kỹ thuật hiện tại thì chúng tôi đánh giá việc mua vào ở thời điểm hiện tại là rất rủi ro vì vậy nhà đầu tư xem xét tiếp tục duy trì tỷ trọng tiền mặt ở mức cao. Mức hỗ trợ trung hạn cho chỉ số HNX-Index là khu vực 54 điểm

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64
DRC	04/02/2013	07/02/2013	Mua	33.8	40	32	41.5	22.78
PGC	06/02/2013	21/02/2013	Mua	9.6	14	8.9	10.4	8.33
SII	09/04/2013	12/04/2013	Mua	15.2	18	14.5	15.1	-0.66

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.

LỘC CỔ PHIẾU

Thị trường tiếp phiên giảm điểm mạnh trên hai sàn, ở cả nhóm cổ phiếu Bluechips và nhóm cổ phiếu mang tính đầu cơ. Khối ngoại mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay, sau 3 phiên bán ròng liên tiếp trước đó. Tuy nhiên, diễn biến thị trường giảm qua ngưỡng hỗ trợ, cho tín hiệu xấu về kỹ thuật khiến nhà đầu tư lựa chọn vị thế an toàn. Chúng tôi bảo lưu đánh giá nhóm cổ phiếu Bluechips có yếu tố cơ bản tốt, có kỳ vọng lợi nhuận 2013 đột biến, có khả năng chia cổ tức/thưởng, phát hành thêm cổ phiếu vẫn sẽ là tâm điểm thu hút dòng tiền. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ vị thế an toàn, ưu tiên tỷ trọng tiền mặt.

Chúng tôi thống kê chỉ tiêu tài chính của 10 cổ phiếu thịnh dư vốn cổ phần cao nhất, 10 cổ phiếu có lợi nhuận chưa phân phối cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ suất cổ tức năm 2012 cao nhất để nhà đầu tư tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ THẠNG DƯ VỐN CỔ PHẦN CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Thặng dư vốn CP	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	76,418	2,087	20,201	3.49%	8.47%	54.62	7,999	1.64	5.64	4.31%
VIC	1,847	124.93%	153,431	2,041	15,071	3.44%	18.42%	30.38	3,974	0.57	4.11	-5.22%
PVI	389	11.80%	14,002	1,814	25,970	4.10%	6.74%	8.65	3,323	0.79	0.60	-5.95%
BVH	1,431	19.17%	505,899	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.63	3,184	2.17	2.74	-14.29%
HAG	365	-68.73%	774,832	649	18,150	1.23%	3.65%	34.68	2,881	1.23	1.24	-13.84%
GMD	115	1808.36%	764,569	944	40,143	1.52%	2.40%	35.58	2,471	1.64	0.84	25.00%
HPG	1,031	-16.63%	808,864	2,385	19,294	5%	13%	11.20	2,207	1.30	1.38	3.42%
KDC	357	30.45%	56,435	2,242	25,076	6.24%	9.02%	21.68	2,190	0.33	1.94	7.82%
PVD	1,448	35.66%	295,560	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.96	1,382	1.16	1.23	-5.68%
VNM	5,819	37.97%	299,874	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.19	1,277	0.90	6.46	20.19%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CAO NHẤT

Mã CK	Năm 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	LN chưa phân phối	Beta	PB	Biến động giá so
MSN	1,963	-0.53%	76,418	2,087	20,201	3.49%	8.47%	54.62	5,967	1.64	5.64	4.31%
VNM	5,819	37.97%	299,874	6,981	18,578	32.99%	41.61%	17.19	5,199	0.90	6.46	20.19%
GAS	10,102	70.84%	740,845	5,175	14,350	21.61%	38.71%	10.72	5,072	0.55	3.87	19.61%
FPT	1,985	18.04%	216,012	5,670	22,574	10.57%	26.32%	6.67	3,181	1.19	1.67	-1.27%
PVD	1,448	35.66%	295,560	6,878	33,216	7.70%	21.94%	5.96	2,043	1.16	1.23	-5.68%
DPM	3,068	-1.17%	572,644	7,985	23,579	30.36%	35.11%	5.51	1,975	1.24	1.87	-2.42%
BVH	1,431	19%	505,899	1,981	17,802	3.00%	11.34%	24.63	1,726	2.17	2.74	-14.29%
PVS	1,263	-11.02%	1,151,090	3,211	20,974	5.00%	18.40%	4.23	1,568	0.77	0.65	-10.90%
HAG	365	-68.73%	774,832	649	18,150	1.23%	3.65%	34.68	1,497	1.23	1.24	-13.84%
HPG	1,031	-16.63%	808,864	2,385	19,294	5.44%	12.83%	11.20	1,393	1.30	1.38	3.42%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ SUẤT CỔ TỨC NĂM 2012 CAO NHẤT

Mã CK	LN 2012	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	Công nợ/VCSH	Beta	PB	Tỷ suất cổ tức
NHS	81	1.52%	39,640	6,179	17,930	10.80%	19.98%	2.09	1	0.21	0.72	46.5%
QST	3	-4.15%	1,079	1,775	14,061	7.55%	15.10%	4.79	1	-0.25	0.60	37.6%
BCE	52	-9.55%	52,242	1,718	12,465	7.25%	13.75%	4.66	1	0.46	0.64	37.5%
HBD	2	-62.23%	1,233	1,587	13,568	7.09%	10.54%	5.04	0	-0.19	0.59	37.5%
CMS	17	40.95%	12,179	6,765	13,591	8.99%	32.02%	1.57	2	1.20	0.78	37.7%
VC5	7	-47.92%	3,950	1,493	19,127	1.05%	7.76%	3.75	6	0.58	0.29	35.7%
VCC	16	26%	16,404	2,697	15,678	3.41%	17.58%	3.71	4	0.97	0.64	36.0%
KKC	9	-33.28%	3,458	1,849	14,870	4.75%	11.05%	4.81	2	0.35	0.60	33.7%
KTS	28	-58.58%	3,744	5,473	32,168	15.47%	23.54%	3.29	0	0.62	0.56	33.3%
SBC	26	1393.09%	10,054	2,304	17,687	4.37%	12.38%	5.21	2	0.00	0.68	33.3%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

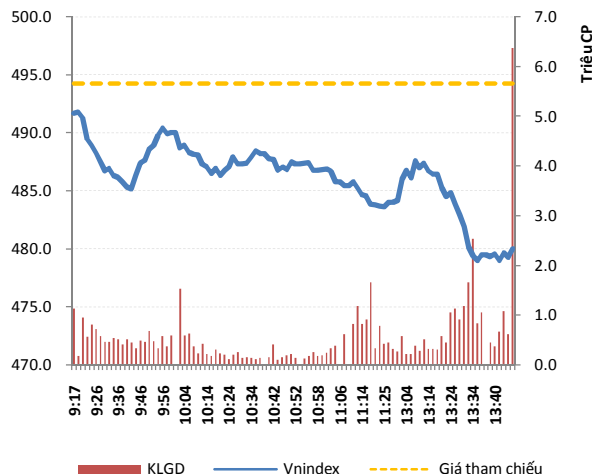
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 15/04/2013.

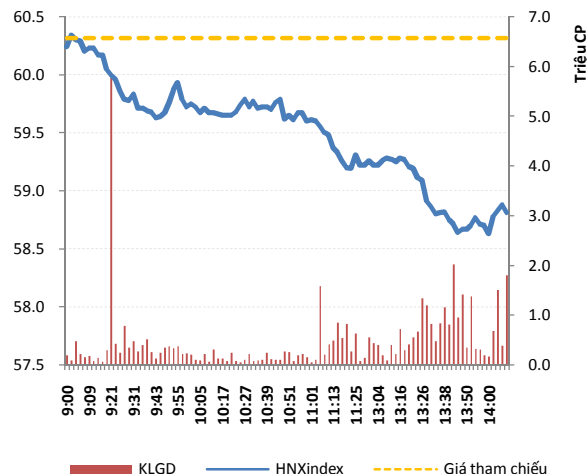


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

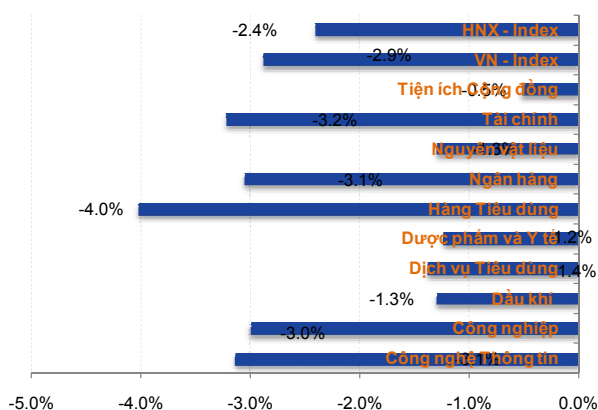
KLGD và VN-Index trong phiên



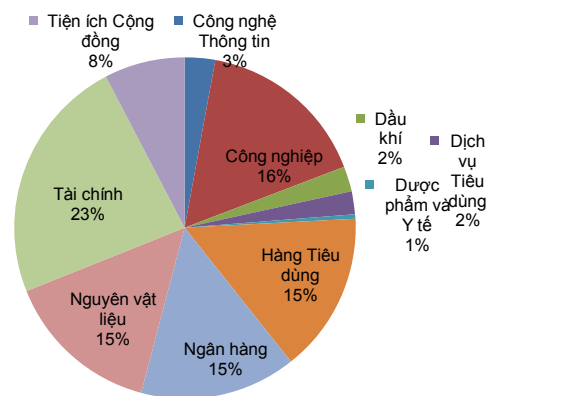
KLGD và HNX-Index trong phiên



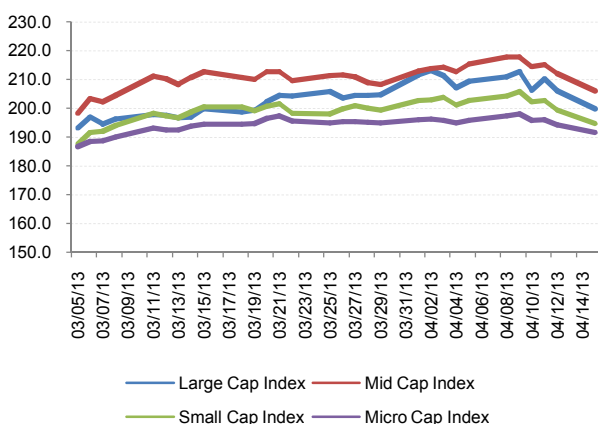
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



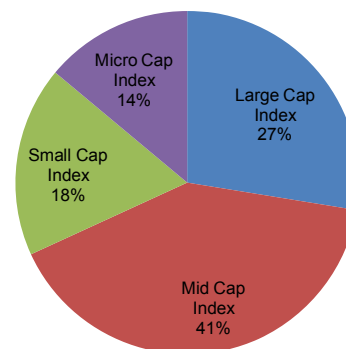
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VSH	419,060	VCB	244,550
2	HPG	332,180	ITA	199,000
3	SBT	251,030	PVF	82,590
4	PET	230,570	HBC	62,230
5	GAS	209,840	HAG	48,020

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	133,800	VCG	36,500
2	API	128,500	TC6	15,000
3	HDO	100,000	THT	12,700
4	SCR	82,500	SHS	11,000
5	DBC	51,000	VND	1,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.5	6.1	↓ -6.15%	3,455,930
CTG	19.2	18.6	↓ -3.12%	2,221,500
REE	20.1	19.2	↓ -4.48%	2,187,400
MBB	13.0	12.9	↓ -0.77%	1,944,860
SSI	17.8	17.4	↓ -2.25%	1,866,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	6.8	6.6	↓ -2.94%	13,378,106
SCR	7.4	6.9	↓ -6.76%	7,454,700
PVX	4.6	4.4	↓ -4.35%	3,737,137
KLS	8.7	8.4	↓ -3.45%	2,399,500
SHS	6.5	6.3	↓ -3.08%	1,852,800

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGD	65.0	69.5	4.5	↑ 6.92%
SJS	13.1	14.0	0.9	↑ 6.87%
VNH	3.1	3.3	0.2	↑ 6.45%
VRC	4.7	5.0	0.3	↑ 6.38%
ATA	4.8	5.1	0.3	↑ 6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
THV	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
SAF	27.5	30.2	2.7	↑ 9.82%
MCC	10.6	11.6	1.0	↑ 9.43%
BLF	5.7	6.2	0.5	↑ 8.77%
DHI	6.0	6.5	0.5	↑ 8.33%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
VSG	0.8	0.7	-0.1	↓ -12.50%
PNJ	30.0	27.9	-2.1	↓ -7.00%
HHS	31.6	29.4	-2.2	↓ -6.96%
LCG	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
DHL	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
NHA	3.0	2.7	-0.3	↓ -10.00%
PCG	6.0	5.4	-0.6	↓ -10.00%
PXA	2.0	1.8	-0.2	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	3,455,930	0.6%	72	84.9	0.5
CTG	2,221,500	19.8%	2,342	7.9	1.5
REE	2,187,400	16.3%	2,703	7.1	1.1
MBB	1,944,860	20.5%	2,425	5.3	1.0
SSI	1,866,500	9.0%	1,329	13.1	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	13,378,106	22.0%	2,761	2.4	0.6
SCR	7,454,700	4.0%	622	11.1	0.4
PVX	3,737,137	-47.8%	(3,714)	-	0.6
KLS	2,399,500	0.9%	109	77.2	0.7
SHS	1,852,800	4.1%	308	20.4	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGD	↑ 6.9%	19.0%	7,787	8.9	1.7
SJS	↑ 6.9%	-18.0%	(3,057)	(4.6)	0.9
VNH	↑ 6.5%	-17.7%	(1,953)	(1.7)	0.4
VRC	↑ 6.4%	0.1%	10	500.1	0.4
ATA	↑ 6.3%	3.5%	457	11.2	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THV	↑ 12.5%	-174.5%	(5,865)	(0.2)	5.2
SAF	↑ 9.8%	24.9%	4,392	6.9	1.7
MCC	↑ 9.4%	17.7%	2,032	5.7	1.0
BLF	↑ 8.8%	3.8%	620	10.0	0.4
DHI	↑ 8.3%	-12.3%	(1,045)	(6.2)	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VSH	419,060	9.8%	1,153	11.0	1.1
HPG	332,180	12.8%	2,385	11.2	1.4
SBT	251,030	21.2%	2,855	5.3	1.3
PET	230,570	15.3%	2,709	6.1	0.9
GAS	209,840	38.7%	5,175	10.7	3.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	133,800	18.4%	3,211	4.3	0.7
API	128,500	-37.3%	(4,505)	-	0.3
HDO	100,000	0.3%	39	131.1	0.5
SCR	82,500	4.0%	622	11.1	0.4
DBC	51,000	19.2%	4,972	4.1	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	105,173	38.7%	5,175	10.7	3.9
VNM	100,023	41.6%	6,981	17.2	6.5
MSN	78,350	8.5%	2,087	54.6	5.6
VCB	63,265	12.5%	2,236	12.2	1.5
VIC	57,545	18.4%	2,041	30.4	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,191	7.5%	987	16.4	1.2
SQC	8,778	12.6%	1,471	54.3	6.4
PVS	6,120	18.4%	3,211	4.3	0.7
SHB	5,848	22.0%	2,761	2.4	0.6
VCG	4,682	2.0%	291	36.4	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVF	2.29	0.7%	76	121.4	0.8
BVH	1.93	11.3%	1,981	24.6	2.7
HSG	1.88	20.1%	4,027	9.2	1.8
VIP	1.84	6.3%	917	8.1	0.5
VSG	1.72	-1082.5%	(5,318)	-	(0.4)

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	2.81	-47.8%	(3,714)	-	0.6
THV	2.76	-174.5%	(5,865)	-	5.2
PSG	2.76	-176.9%	(7,179)	-	1.7
NVC	2.75	-12.4%	(1,299)	-	0.2
SHS	2.73	4.1%	308	20.4	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)